

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NGỮ DỤNG CỦA CÂU HỎI LỰA CHỌN HIỂN NGÔN & CÂU HỎI LỰA CHỌN NGẦM ẨN TIẾNG ANH

Nguyễn Thị Vân Anh

Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội

Tóm tắt: Trong giao tiếp ngôn ngữ luôn được định hướng và tuân theo các ràng buộc xã hội, hoạt động này giúp trao đổi thông tin nhằm xác lập và tác động qua lại với nhau trong mối quan hệ giữa người và người để đạt được mục đích nhất định nào đó. Ngữ dụng học được tạo dựng từ ba yếu tố là lời nói, hành động và ngữ cảnh. Việc sử dụng các kiểu câu hỏi đích thực trong giao tiếp giúp người nói thu nhận được những thông tin chưa biết cần biết đồng thời cũng giúp người nghe truyền đạt ý kiến, nhận định, thái độ của bản thân với người nghe về những vấn đề hiện thực của cuộc sống. Bài viết này bàn về những đặc điểm ngữ dụng có thể có trong câu hỏi lựa chọn hiển ngôn, câu hỏi lựa chọn ngầm ẩn tiếng Anh.

Từ khóa: Ngầm ẩn, hiển ngôn, tình thái, câu hỏi, đặc điểm ngữ dụng.

Ngày nhận bài 23.9.2022; phản biện và duyệt đăng ngày 25.11.2022

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Vân Anh; Email: ntvanh@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nói đến ngữ dụng học là nói đến lĩnh vực nghiên cứu rộng về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh tạo nên cấu trúc của ngôn ngữ. Vấn đề nghiên cứu này không chỉ liên quan đến công cụ cần thiết nhất của giao tiếp là lời nói mà còn là những cử chỉ, hành động và cảm xúc được biểu lộ không bằng lời nhưng vẫn giúp người nói biểu lộ ý chí, cảm xúc hoặc suy nghĩ về vấn đề nhất định. Bài viết này tập trung đề cập đến một số đặc điểm ngữ dụng của các kiểu câu hỏi đích thực (*proper questions*) trong tiếng Anh là câu hỏi lựa chọn hiển ngôn, câu hỏi lựa chọn ngầm ẩn.

2. NỘI DUNG

2.1. Đặc điểm ngữ dụng của câu hỏi lựa chọn hiển ngôn & câu hỏi lựa chọn ngầm ẩn tiếng Anh

2.1.1. Câu hỏi lựa chọn hiển ngôn

2.1.1.1. Khái niệm “Câu hỏi lựa chọn hiển ngôn”

Câu hỏi lựa chọn hiển ngôn là kiểu câu hỏi mà trong nội dung mệnh đề (*propositional content*) của nó có các khả năng lựa chọn được biểu hiện trên bề mặt của câu. Các kiểu câu được hiểu là **Câu hỏi lựa chọn hiển ngôn** có đặc điểm như sau:

a. Một là kiểu câu hỏi không có từ hỏi đòi hỏi câu trả lời khẳng định hoặc bác bỏ nội dung được hỏi (*Yes/No questions proper*), câu hỏi phản hồi (*tag questions*), câu hỏi tường thuật (*declarative questions*)- loại câu có hình thức của câu tường thuật và được phát ngôn với mục đích hỏi. Theo tác giả Quang, V.D. (2001) tr.52, ngữ điệu của loại câu hỏi tường thuật này là ngữ điệu đi lên (*the Glide-up*) ↗ với điểm nhấn đặc trưng (*information focus*).

Ví dụ: *Does she have spare time on Sundays? Yes, she has.*

Will you come to her party, won't you? No, I won't.

He takes all the time with you? ↗ (the Glide-up- ngữ điệu đi lên)

(*Intonation in English. www.myenglishlanguage.com*)

b. Hai là kiểu câu hỏi có chứa từ **or** liên quan đến các khả năng lựa chọn.

Ví dụ: *Would you like a cup of tea **or** a cup of coffee?*

(*Grammar in Use – Yes.No question*)

Loại câu hỏi không có từ hỏi cho ta thấy rằng ở kiểu câu này không xuất hiện phương thức đánh dấu (*unmarked*) cho điểm nhấn (*focus*) trong văn bản viết. Có thể thấy đây là dấu hiệu quan trọng cho phép người được hỏi phân biệt giữa loại câu hỏi không có từ hỏi với loại câu hỏi có chứa từ **or**. Như vậy trong câu hỏi có thể có tiêu điểm hỏi (*focus*) mà tiêu điểm hỏi giúp người tham gia giao tiếp nhận diện được sự tồn tại những thành phần bắt buộc và thành phần không bắt buộc. Do vậy, có thể sự chú ý thường được hướng tới thành phần bắt buộc. Tuy nhiên những thành phần không bắt buộc cũng có thể là những dấu hiệu nhận diện cho câu trả lời mà người hỏi muốn quan tâm.

Về mặt cấu trúc câu hỏi, trong câu hỏi có từ lựa chọn **or**, trật tự xuất hiện là phần khẳng định luôn đi trước phần phủ định.

Trong lớp học, học sinh A hỏi học sinh B rằng:

*Do you read this book **or** don't you?*

*Do you read this book **or** not?*

(*Grammar in Use – Yes.No question*)

Có thể nhận ra là trật tự khẳng định “*Do you read this book*” xuất hiện trước phần phủ định “*don't you*”/ “*not*”.

Trong câu hỏi có từ lựa chọn **or** thường có tác tử tình thái (*modal operators*) như *really, sometimes, rarely, definitely,...* mục đích là để bổ sung nghĩa phụ trợ trong câu. Vị trí của các yếu tố tình thái này thường là trước động từ vị ngữ hoặc ở cuối câu.

A hỏi B về tần suất thực hiện việc chị gái B kể chuyện cho B nghe:

*Does your sister **sometimes** tell you story?*

(*Grammar in Use – adverb of frequency*)

Trong tiếng Anh, các trợ động từ tình thái (*Can Could, May, Should, Shall, Might....*) có thể được sử dụng như là phương tiện tạo câu hỏi. Vị trí đứng ở đầu câu là vị trí bắt buộc đối với trợ động từ tình thái trong các loại câu không sử dụng từ hỏi (*Yes/No questions*).

Ví dụ: *Can you visit?*

Should we talk to Mr Joe about it?

Must we leave now?

(Grammar in Use – Modal Verb)

2.1.1.2. Đặc điểm ngữ dụng của câu hỏi lựa chọn hiển ngôn

Câu hỏi lựa chọn hiển ngôn là dạng câu đưa ra phạm vi lựa chọn khá hẹp. Từng kiểu câu cụ thể có những đặc điểm ngữ dụng khác nhau.

a) Câu hỏi lựa chọn có từ “or”

Trong loại câu hỏi này, sự lựa chọn của người được hỏi bị giới hạn trong phạm vi những gì đã được liệt kê, người hỏi không liệt kê quá nhiều khả năng chẳng hạn như câu hỏi chỉ có hai hoặc ba khả năng lựa chọn.; và thường là, người trả lời sẽ chọn một trong số khả năng đã được liệt kê trong câu hỏi để trả lời.

Ví dụ: *Would you like **apple** or **papaya**?*

***Salt** or **sugar**?*

*Did you **tell me the truth** or **keep quiet**?*

*Are our kids **doing with their stuff, learning,** or **listening to music**?*

*Will you **comeback** or **not**?*

(Grammar in Use. Alternative questions)

Đằng sau danh sách các khả năng lựa chọn, ngầm chứa cả sự đoán định của người hỏi. Danh sách các khả năng không xuất hiện ngẫu nhiên. Các khả năng này, dù bị giới hạn, luôn mang tính khái quát, tính thực tiễn liên quan đến chủ thể được hỏi và nằm trong mối tương quan với cảnh huống. Như vậy người trả lời thường chọn cho mình khả năng phù hợp nhất và cung cấp cho người nghe thông tin ấy.

b) Câu hỏi lựa chọn không có từ “or”

Một trong những đặc điểm ngữ dụng nổi trội của dạng *Câu hỏi lựa chọn không có or* là: khả năng lựa chọn thông thường là hai. Giữa hai khả năng lựa chọn này thường có tính phân cực hay tương phản (*khẳng định/phủ định; có ý/không có ý; ngẫu nhiên/không ngẫu nhiên; dài/không dài,*).

Ví dụ: *Does she have a new laptop? (She had a new laptop? She doesn't have a new laptop?)*

Did Tom show his gift? (or Did someone else do it?)

(Grammar in Use- Yes.No Question)

Đặc điểm ngữ dụng này giúp định hướng cho người trả lời lựa chọn một trong hai khả năng (một khả năng hiển ngôn và một khả năng ngầm ẩn). Ở dạng câu hỏi này, người hỏi (đặc biệt là trong câu hỏi ở hình thức phủ định), có xu hướng chờ đợi một câu trả lời khẳng định hơn là phủ định.

Ví dụ: *Don't you remember the day when I first met you? - Yes, I do.*

(Grammar in Use – Questions)

Ở trường hợp này, “No, I don't” là câu trả lời có thể chấp nhận được nhưng không được chờ đợi từ phía người hỏi.

Trong tiếng Anh, câu hỏi phản hồi (*tag questions*), câu hỏi trần thuật (*declarative questions*) đều bắt đầu bằng trợ động từ ở hình thức phủ định (hoặc ngược lại) khi có một dấu hiệu nào đó là cơ sở cho một phán đoán khẳng định và họ muốn kiểm nghiệm tính đúng hay sai của nó.

Loại câu hỏi không sử dụng từ hỏi không phải là loại câu hỏi lựa chọn (*“Yes/No questions are not alternative questions”*). Theo tác giả Bolinger, D. (1978, tr.125.) câu hỏi kiểu này ở thể phủ định thường có xu hướng nghiêng về phía chờ đợi một câu trả lời khẳng định và ngược lại.

Ví dụ:

- a. *Did Josh drink milk?*
- b. *Didn't Josh drink water?*
- c. *Josh drank wine.*
- d. *Josh did not drink beer.*

Đặc điểm ngữ dụng của kiểu câu hỏi phản hồi (*tag questions*), câu hỏi trần thuật (*declarative questions*) liên quan đến tình thái và trực tiếp là tình thái chủ quan. Nếu xem xét trong tương quan với câu hỏi phản hồi theo định hướng phân chia có tính chất cấp độ (*grades*) về thiên hướng (*bias*) của người hỏi, có thể được minh họa như sau:

Nghiêng mạnh về phía phủ định (negative orientation):

- a. ***Josh didn't drink** milk, did he?* ↗ (glide up)
- b. ***Didn't Josh** drink water?* ↗ (glide up)

Nghiêng mạnh về phía khẳng định (positive orientation):

- c. *Did **Josh drink wine**?* ↘ (glide down)
- d. ***Josh drank beer**, didn't he?* ↘ (glide down)

(Intonation in English. www.myenglishlanguage.com)

Như vậy là, các câu hỏi tiếng Anh thuộc kiểu loại liên quan đến tình thái này thì đặc điểm ngữ dụng không mang tính chất trung tính (*non-neutrality*) và không định hướng (*unbiasedness*) một cách chủ quan. Đằng sau các câu hỏi lựa chọn hiển ngôn trong tiếng Anh ngầm chứa sự đoán định của người hỏi và sự giới hạn các khả năng lựa chọn một cách rõ nét.

2.1.2. Đặc điểm ngữ dụng của câu hỏi lựa chọn ngầm ẩn.

2.1.2.1. Khái niệm “Câu hỏi lựa chọn ngầm ẩn”

Câu hỏi lựa chọn ngầm ẩn là những câu hỏi mà trong nội dung mệnh đề của nó có các khả năng lựa chọn không biểu hiện trên bề mặt của câu. Trong tiếng Anh, những câu hỏi thuộc kiểu loại này thường là loại câu hỏi *Yes/No questions* không có điểm nhấn đặc trưng (*non-focus*). Những câu hỏi ở hình thức câu trần thuật và sử dụng ngữ điệu hỏi (*declarative questions*) không có điểm nhấn đặc trưng (*non-focus*) khác với những câu hỏi tương tự có điểm nhấn đặc trưng. Trong các câu có điểm nhấn đặc trưng, nội dung thông báo của câu chủ yếu tập trung vào điểm nhấn. Điểm nhấn này định hướng cho câu trả lời tập trung sự lựa chọn vào thông tin được chuyển tải trong điểm nhấn đặc trưng.

Trong câu hỏi không có điểm nhấn đặc trưng, nội dung thông báo của câu hỏi bao phủ toàn bộ các yếu tố của câu, hướng sự trả lời đến sự phân giải liên quan tới toàn bộ câu hỏi.

Ví dụ:

- a. *Had **DAVIS** left home before?*
- b. *Did your little girl **draw this picture**?*

Sự khác nhau giữa hai câu ví dụ trên là: Ví dụ (a) có hàm nghĩa là “*Davis đã rời nhà đi hay một ai khác đã rời đi trước đó*”. Như vậy người nói ở đây đã xuất phát từ chỗ cho rằng sự kiện ‘rời nhà’ (“*left home*”) là đúng với thực tế còn chủ thể “*Davis*” vẫn nằm trong tình trạng nghi vấn. Ví dụ (b) mang hàm nghĩa là sự kiện “*Cô con gái nhỏ vẽ bức tranh này*” (“*draw this picture*”) là có thể đúng với thực tế hoặc không có đúng với thực tế. Toàn bộ câu hỏi nằm trong tình trạng nghi vấn. Nói cách khác, sự kiện nêu trong câu hỏi chưa được xác định. Như vậy, về mặt ngữ dụng, phạm vi lựa chọn trong ví dụ (a) khác hẳn với ở ví dụ (b). Nội dung lựa chọn ở ví dụ (b) mang tính ngầm ẩn.

Trong các văn bản tiếng Anh, không có dấu hiệu hình thức riêng (*dấu câu, chữ*) thể hiện các điểm nhấn đặc trưng. Vì vậy, nếu chỉ xử lý các văn bản viết thì không thể đưa ra sự phân tích thuyết phục, trừ những trường hợp có thành phần phụ không bắt buộc trong phát ngôn. Khi đề cập đến các văn bản tiếng Anh có chứa câu mang ý định hỏi mà sử dụng các liên từ như *and, but, so* rất thông dụng mang chức năng liên kết văn bản. Đây là những câu tình lược, xét về mặt cấu trúc câu.

Những từ liên kết này chỉ ra rằng trong quá trình giao tiếp xuất hiện các trường hợp người nghe có những đoán định nào đó theo hướng mà người nói đang nói, có thể sẽ tiếp tục, hoặc chưa nói hết trong khi người nghe muốn nghe hết, muốn biểu thị rằng mình đang theo sát những điều người nói đang nói, muốn định hướng người nói theo hướng mà mình muốn nghe.

Ví dụ: Context (cảnh huống): Người bố nói với con trai mình về việc con trai anh ấy phải hoàn thành việc được giao nếu muốn ra ngoài ăn tối.

Father: *After going out for playing you have to clean your room, rearrange your stuff. And..*

Son: *And?*

Father: *We are going out for dinner.*

Son: *But?*

Father: *But, well ...you may not go out for dinner if you don't want, of course.*

(*Grammar in conversation analysis- GCA tr25.*)

Câu hỏi “*And?*” biểu thị người con muốn nghe tiếp điều gì đó có liên quan xảy ra trong và sau cuộc nói chuyện của người bố nói với mình. Câu hỏi “*But?*” biểu thị người con muốn giải thích với bố rằng làm sao có thể ra ngoài ăn tối khi mà bố giao nhiều việc phải làm và người bố khẳng định, phải làm xong việc mới có thể được đi ra ngoài ăn tối bằng câu “*you may not go out for dinner if you don't want, of course.*”.

Có thể nhận thấy rằng, những câu hỏi liên kết trong ví dụ trên đây gắn với tiến trình của cuộc thoại, của mạch suy nghĩ, lập luận. Bề mặt của câu hỏi kiểu này không biểu thị một khả năng lựa chọn nào cụ thể, nhưng trong những câu hỏi này, ngầm chứa một sự lựa chọn hoặc có tính tất yếu, hoặc có tính định hướng, hoặc có tính tương thông của quá trình giao tiếp. *Câu hỏi*

lựa chọn ngầm ẩn có thể được phân thành hai loại: câu hỏi có điểm nhấn đặc trưng và không có điểm nhấn đặc trưng.

Sự có mặt hay vắng mặt điểm nhấn đặc trưng liên quan đến việc phủ định hay xác nhận một sự tình (*state of affairs*) hoặc chỉ xác nhận hay phủ định nội dung thông báo của một bộ phận sự tình trong câu hỏi. Loại câu hỏi này có mối liên kết tiềm ẩn trong ngữ cảnh sử dụng.

2.1.2.2. Đặc điểm ngữ dụng của câu hỏi lựa chọn ngầm ẩn

Ý định chủ quan của người hỏi trong dạng *câu lựa chọn ngầm ẩn* là mong muốn người nghe kiểm chứng và xác nhận hoặc không xác nhận một sự việc nào đó. Trong loại câu hỏi này người hỏi thường mang xu hướng trả lời tích cực, tức là *Yes* hơn là hướng trả lời *No* ngoại trừ dụng ý khác được thiết lập bởi người hỏi. Chính bởi các dụng ý khi hỏi nên ít nhiều những dụng ý này mang tính chủ quan. Dụng ý của người hỏi chính là yếu tố tình thái tương thích với một số căn cứ thực tế phù hợp logic, quy luật và cuộc sống, văn hóa giúp cho giao tiếp trở nên linh hoạt.

Ví dụ 1:

Context (cảnh huống) :

Sau khi Stuart và Brent gặp nhau tại nhà của Scarlett họ muốn ngầm thông báo cho cô biết về câu chuyện đã xảy ra ở Atlanta mà họ thu thập được:

“If you promise, we’ll tell you a secret.” Said Stuart

“What?” cried Scarlett, alert as a child at the word.

“Is it what we heard yesterday in Atlanta, Stu? If it is, you know we promised not to tell.”

“Well, Miss Pitty told us.”

“Miss?”

“Miss Who?”

You know, Ashley Wilkes’ cousin who lives in Atlanta, Miss Pittypat Hamilton — Charles and MelanieHamilton’s aunt.”

(*Gone with the wind* - Margaret Mitchell. (page. 122)

Thông tin trong phân cảnh trên cho thấy câu hỏi có tính lựa chọn:

- (i) Thông tin *“what we heard yesterday in Atlanta”* và thông tin *“we promised not to tell.”*
- (ii) Từ *“Miss Pitty told us”* và không phải từ *“Miss Pitty told us”*.

Trong ví dụ này, nếu kết hợp hai thông tin sẽ giúp người đọc có được một phán đoán và xác định được thông tin mà Scarlett muốn biết, rằng thông tin đó do ai nói và có độ tin cậy hay không. Có thể thấy rằng, tình huống xuất phát ở đây là: Scarlett muốn biết về điều mà Stuart và Brent đã nghe được từ Miss Pitty, và tại sao Stuart và Brent họ lại phải hứa là sẽ không kể lại chuyện với cô.

Ví dụ 2:

Context: Brent nói với Scarlett về những băn khoăn mong có lời giải đáp của cô về việc cô hẹn hò khiêu vũ với những anh chàng trong buổi tiệc *barbecue*.

“Look, Scarlett. About tomorrow,” said Brent. “Just because we’ve been away and didn’t know about the barbecue and the ball, that’s no reason why we shouldn’t get plenty of dances tomorrow night. You haven’t promised them all, have you?”

“Well, I have! How did I know you all would be home? I couldn’t risk being a wallflower just waiting on you two.”

“You a wall flower!” The boys laughed uproariously.

(*Gone with the wind* - Margaret Mitchell, page. 55)

Những câu hỏi trên mang tính chất suy luận. Nội dung mệnh đề của các câu hỏi trong ngữ cảnh này giống như là kết luận được suy ra từ những lời thoại trước đó.

Để đưa ra một phán đoán đúng chứa đựng trong nội dung mệnh đề hỏi, người hỏi phải dựa vào một số căn cứ nào đó. Những căn cứ như vậy thuộc nhiều dạng, loại khác nhau, có thể thuộc về cảm giác, có thể thuộc về nhận thức lý tính (*có tính logic*) với những mức độ mạnh/yếu, nông/sâu, hợp lý / không hợp lý khác nhau.

Đoán đúng ý định, lấy được thông tin và đạt được mục đích trong giao tiếp không chỉ là sự khéo léo, tinh ý trong việc nhận diện những đặc điểm dụng học mà nội dung mệnh đề hỏi của các câu hỏi hiển thị mà còn là sự thấu hiểu, suy luận tích cực từ ngữ cảnh đem lại.

3. KẾT LUẬN

Xét từ góc độ sử dụng ngôn ngữ, *câu hỏi lựa chọn hiển ngôn* và *câu hỏi lựa chọn ngầm ẩn* tiếng Anh là kiểu câu hỏi đích thực với yếu tố ngữ dụng là thông tin tiền giả định, thông tin chưa biết cần biết có mối tương quan với cấu trúc, nội dung mệnh đề và đặc điểm tình thái. Trong các câu hỏi lựa chọn hiển ngôn thường ngầm chứa sự đoán định của người hỏi và sự giới hạn các khả năng lựa chọn. Câu hỏi lựa chọn ngầm ẩn có thể chia thành hai loại: câu hỏi có điểm nhấn đặc trưng và câu hỏi không có điểm nhấn đặc trưng.

Loại câu hỏi này có mối liên kết ràng buộc và tiềm ẩn trong cảnh huống sử dụng. Điểm nhấn đặc trưng có liên quan đến việc xác nhận/ không xác nhận một sự tình (*state of affairs*) hay chỉ xác nhận hoặc không xác nhận nội dung thông tin của một bộ phận nào đó nêu ra trong câu hỏi. Việc tìm hiểu đặc điểm ngữ dụng của các loại câu hỏi này giúp cho người tham gia giao tiếp hiểu và vận dụng tốt hơn các phương tiện truyền tải ngôn ngữ nhằm đạt mục đích nói năng của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bolinger, D. (1978), *Questions*, Dordrecht. Reidel.
2. Chomsky, Noam (1957), *Syntactic Structures*, The Hague/Paris: Mouton.
3. Jack Sidnell & Tanya Stivers (2012), *The Handbook of Conversation Analysis*, Blackwell.
4. Margaret Mitchell (1936), *Gone with the wind*, Novel.
5. Quang, V.D. (2001), *Nghiên cứu đối sánh các kiểu loại câu hỏi chính danh trong tiếng Anh và tiếng Việt*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc gia; mã số QN. 00. 03
6. Raymond Murphy (2012), *English Grammar in Use*, Cambridge University Press.
7. Werth, Paul (1999), *Text Worlds: Representing Conceptual Space in Discourse*, London: Longman.

SOME PRAGMATIC FEATURES OF ENGLISH EXPLICIT ALTERNATIVE QUESTIONS & ENGLISH IMPLICIT ALTERNATIVE QUESTIONS

Abstract: *In communication, language which is always oriented and obeys the constraints of society, this activity helps to exchange information to identify and influence each other in the relationship between speakers and listeners in order to achieve the most common goal. Pragmatics is made up of three elements: speech, action and context. The use of questions proper in communication helps the speaker to receive unknown information that needs to be known, and also helps the listener convey his or her opinions, judgments, and regimes to the listener about the issues topic of life theme. This post is focused on some pragmatic features of English explicit alternative questions, English implicit alternative questions.*

Keywords: *Implicit, explicit, modality, questions, implicit alternative questions, pragmatic features.*